

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 5 - 2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Nguyệt.

Ông Phan Văn Truyen.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/QĐXX-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu C, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu phố 3, Phường 3, thị xã K, tỉnh L(có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1967; Địa chỉ: Khu phố 3, Phường 3, thị xã K, tỉnh L(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn của bà Lê Thị Thu C và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Lê Thị Thu C trình bày: Vào năm 1999 bà với ông G tìm hiểu, thương yêu nhau và chung sống với nhau như vợ chồng, tuy không tổ chức lễ cưới nhưng hai người có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M (nay là thị xã K), hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Từ đó, tình cảm vợ chồng rạn nứt và lạnh nhạt nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Hiện nay bà với ông G đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, nên không còn điều kiện, khả năng để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông G trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng bà C, ông G chung sống có người con chung tên Nguyễn Lê Nhựt L, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2000, giới tính: nam. Hiện con Nguyễn Lê Nhựt L1 đã trưởng thành, không bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà C xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà C cam kết không có.

Sau khi nhận được đơn khởi kiện của bà Lê Thị Thu C Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án số 112/TB-TLVA ngày 07/12/2021; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 70/TB-TA ngày 27/12/2021 đã tổng đạt hợp lệ cho ông G theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng ông G không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời bà C có đơn không tiến hành hòa giải nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Lê Thị Thu C, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu phố 3, Phường 3, thị xã K, tỉnh Lkhởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1967; Địa chỉ: Khu phố 3, Phường 3, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ cho ông G theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố Tụng dân sự nhưng ông G không có mặt. Do đó Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông G là phù hợp với quy định của pháp luật tại điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Lê Thị Thu C với ông Nguyễn Ngọc G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M (nay là thị xã K). Đây là hôn nhân hợp pháp nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thu C xác định không còn tình nghĩa vợ chồng với ông Nguyễn Ngọc G, không còn điều kiện, khả năng để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình nên yêu cầu được ly hôn với ông G. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà C với ông G đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện tại hai người đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Vì vậy, cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thu C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Trong thời gian vợ chồng bà C, ông G chung sống có người con chung tên Nguyễn Lê Nhựt L đã trưởng thành, không bị hạn chế hoặc bị mất

năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi bản thân, bà C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Bà C xác định không có không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà C cam kết không có.

[5] Đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc G từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử không có văn bản ghi ý kiến của mình, không đến tham gia phiên hòa giải và phiên tòa đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu C nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điểm b khoản 1 Điều 3, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Bà Lê Thị Thu C phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu C đối với ông Nguyễn Ngọc G.

Về hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị Thu C ly hôn với ông Nguyễn Ngọc G.

Về án phí: Bà Lê Thị Thu C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0000545 ngày 10/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Bà Lê Thị Thu C đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bà C báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Nguyễn Ngọc G được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Văn Út

